TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2021/DSST
Ngày: 11-3-2021
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Minh Tấn.

2. Bà Nguyễn Ngọc Nhuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐST-DS ngày 17/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Phước T – Chủ hộ kinh doanh Phước T
Địa chỉ: ấp 5, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An (có mặt)

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 4, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt)
Anh Nguyễn Thanh A, sinh năm 1983 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 04/8/2018, bà M và con của bà M là anh Nguyễn Thanh A có đến hộ kinh doanh Phước T để mua phân bón, thuốc trừ sâu. Vào ngày 21/5/2020, bà Nguyễn Thị M có xác nhận công nợ với hộ kinh doanh Phước T số tiền là 89.943.000đ và hẹn thanh toán sau một tháng. Nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do đó, anh Nguyễn Phước T – chủ hộ kinh doanh Phước T yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức L và anh Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ liên đới trả cho hộ kinh doanh Phước T số tiền 89.943.000đ và yêu cầu tiền lãi với mức lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 21/5/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày ý kiến: Con của bà M là anh Nguyễn Thanh A làm ăn thua lỗ, không mua được phân thuốc ở hộ kinh doanh Phước T nên bà đứng ra mua giùm anh A. Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu hộ kinh doanh Phước T để anh A được trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Nguyễn Đức L trình bày: con của ông L làm ăn thua lỗ, không mua được phân thuốc ở hộ kinh doanh Phước T nên ông L và bà M đứng ra mua giùm cho anh A. Hiện nay, do hoàn cảnh khó khăn, ông L và bà M đã lớn tuổi nên yêu cầu hộ kinh doanh Phước T để anh A được trả dần.

- Anh Nguyễn Thanh A trình bày ý kiến như sau: Thời gian đầu anh A cùng vợ mua phân thuốc của hộ kinh doanh Phước T nhưng làm ăn thất bại. Do đó, anh A mới nhờ mẹ của anh A là bà M mua giùm phân thuốc ở hộ kinh doanh Phước T để tiếp tục làm ăn. Sau đó, việc làm ăn vẫn tiếp tục thất bại. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn, anh A yêu cầu hộ kinh doanh Phước T để anh A trả dần số tiền nợ tính đến ngày 22/05/2020 là 89.943.000đ và xin không trả lãi từ ngày 21/05/2020 cho đến khi thanh toán xong.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức L và anh Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ liên đới trả cho hộ kinh doanh Phước T số tiền 89.943.000đ, nguyên đơn đồng ý không yêu cầu tiền lãi từ ngày 21/5/2020 cho đến nay.

Bị đơn Nguyễn Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức L vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh A thống nhất với số nợ 89.943.000đ, xin được không trả lãi và giảm nợ gốc, về thời gian trả yêu cầu được trả dần cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Phước T, chủ hộ kinh doanh Phước T khởi kiện bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức L, Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ mua phân thuốc và tiền lãi phát sinh. Do đó, xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T.

[2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Đức L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa: tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức L và anh Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 89.943.000đ, đồng ý không yêu cầu tiền lãi từ ngày 21/5/2020 cho đến nay. Do đó, việc nguyên thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nội dung:

Giữa các đương sự thống nhất với nhau về việc bà M, ông L có đến hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp Phước T để mua phân và thuốc phục vụ sản xuất nông nghiệp sau khi anh A đến mua nhưng hộ kinh doanh Phước T không tiếp tục bán cho anh A. Đến ngày 21/5/2020 bà M đã ký hai bản đối chiếu công nợ mua phân, thuốc thể hiện việc mua bán từ tháng 4 năm 2018 cho đến ngày 21/5/2020 và đến ngày 22/5/2020 ký biên bản đối chiếu công nợ tổng cộng là 89.943.000đ. Ông L, bà M và anh A trình bày vợ chồng của anh A làm ăn thua lỗ nên không mua được phân thuốc của hộ kinh doanh Phước T. Do đó, ông L, bà M đã mua phân thuốc của hộ kinh doanh Phước T giùm cho anh A, để anh A tiếp tục sản xuất. Phía anh T, chủ hộ kinh doanh Phước T trình bày bà M và ông L có mua phân thuốc về để sử dụng cho phần đất nhà của bà M và ông L nên khi mua phân thuốc đã lập sổ sách theo dõi riêng phần bà M, ông L mua riêng và phần bà M, ông L mua giùm cho anh A, như hình thức bảo lãnh. Đến ngày 21 và 22 tháng 5 năm 2020 bà M đã

đối chiếu và thống nhất ký biên bản đối chiếu công nợ của cả hai khoản. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán phân thuốc là giao dịch giữa bà M, ông L với hộ kinh doanh Phước T. Việc mua bán giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hộ kinh doanh Phước T bán vật tư nông nghiệp cho bà M, ông L là dựa trên sự tin tưởng đối với bà M và ông L.Vì theo như trình bày của ông L, bà M và anh A thì anh A làm ăn thua lỗ nên đã không mua được vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh Phước T. Việc bà M, ông L mua vật tư nông nghiệp và giao cho anh A sử dụng là giao dịch giữa bà M, ông L với anh A. Do đó, bà M và ông L phải có trách nhiệm trong việc mua bán vật tư nông nghiệp với hộ kinh doanh Phước T. Ngoài ra, bà M và ông L có trình bày ông Thạnh có đến đòi và có hứa cho ông Lâm trả dần, bà M và ông L có hứa khi bán ếch sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó ông Lâm, bà M, ông L không trả thêm được phần nào sau ngày đối chiếu công nợ. Do đó, ông Lâm, bà M, ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán nên anh T, chủ hộ kinh doanh Phước T yêu cầu bà M, ông L và anh A có nghĩa vụ liên đới trả nợ 89.943.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Về thời gian trả, giữa các đương sự không thỏa thuận được nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền liên hệ Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Về phía vợ của anh A, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T, anh A, bà M và ông L có văn bản trình bày ý kiến không yêu cầu gì đối vợ của anh A và cũng không yêu cầu đưa vợ của anh A vào tham gia tố tụng trong vụ án. Anh A cũng trình bày vợ chồng anh đã ly hôn, vợ anh đã bỏ đi, hiện nay anh không rõ địa chỉ. Do đó, trong trường hợp giữa bà M, ông L, anh A và vợ của anh A có tranh chấp với nhau thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức L và ông Nguyễn Thanh A phải chịu án phí là 4.497.150đ tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do ông Nguyễn Đức L thuộc diện người cao tuổi và có đơn đề nghị xét miễn án phí nên được chấp nhận cho miễn án phí đối với phần của ông L là 1/3 số tiền án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội. Bà M và ông Lâm phải chịu án phí phần còn lại là 2.998.100đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 357, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T- Chủ hộ kinh doanh Phước T.

Buộc bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức L và anh Nguyễn Thanh A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Phước T, chủ hộ kinh doanh Phước T số tiền 89.943.000đ (Tám mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Hộ kinh doanh Phước T không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.249.000đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001348, ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T.

3.2. Ông Nguyễn Đức L được miễn án phí.

3.3. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Thanh A phải chịu 2.998.100đ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Ánh